

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 225/2024/DS-ST

Ngày 30/12/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Văn Đen

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 783/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 814/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Trần Hiếu T1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Bà Trần Thị H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng: Ông Lê Văn T2, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 25/5/2016, ông cùng vợ là bà Nguyễn Thị Q có mở dây hụi mùa 3.000.000đồng, mỗi năm khai 04 lần, giá khai hụi thấp nhất là 1.2000.000đồng,

có 26 phần hội, trong đó bà H tham gia 01 phần hội tên “CHỊ HẰNG”. Tuy nhiên, thực tế ông Trần Hiếu T1 là con bà H tham gia góp hội và ông T1 là người hốt hội lần thứ 07 với số tiền bỏ hội là 1.300.000đồng (06 lần đóng 18.000.000đồng + 19 phần hội x 1.700.000đồng = 50.300.000đồng). Tổng số tiền hội ông T1 hốt được là 50.300.000đồng, sau khi trừ lại đầu thảo 1.500.000đồng thì ông T1 còn lại 48.800.000đồng và ông, bà đã giao cho ông T1 đủ số tiền hội đã hốt. Sau khi ông T1 hốt hội thì có đóng lại được 07 lần hội chết với số tiền là 21.000.000đồng, ông trung còn nợ lại 12 lần hội chết 36.000.000đồng, nhưng sau đó ông T1 có trả thêm được 1.000.000đồng nên còn nợ lại 35.000.000đồng. Vì vậy, ông và bà Q yêu cầu Toà án buộc ông Trần Hiếu T1 phải trả cho ông, bà số tiền hội còn nợ là 35.000.000đồng, không yêu cầu bà H phải trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q khai:

Bà thông nhất với lời trình bày của ông T và chỉ yêu cầu ông T1 phải trả tiền hội còn nợ. Mặc dù trên giấy hội ghi tên Chị H nhưng thực tế người đóng hội và hốt hội là ông T1, không phải bà H.

Người làm chứng ông Lê Văn T2 khai:

Ông có biết Trần Hiếu T1 (cháu của ông) có tham gia hội của ông T và bà Q. Ngày ông T, bà Q giao tiền hội cho Trần Hiếu T1 tại nhà của ông nên ông có chứng kiến và biết được sự việc.

Bị đơn Trần Hiếu T1 và Trần Thị H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án buộc ông T1 phải trả số tiền hội còn nợ với tổng số tiền là 35.000.000đồng, không yêu cầu bà H phải cùng có trách nhiệm trả vì bà H không tham gia.

Người liên quan xác định ông T1 đã hốt hội được tổng số tiền 48.800.000đồng sau khi trừ đầu thảo. Sau khi hốt hội ông T1 còn nợ lại 12 lần chưa đóng với số tiền là 36.000.000đồng, sau đó ông T1 có trả được 1.000.000đồng nên còn nợ lại 35.000.000đồng và yêu cầu ông T1 phải trả lại số tiền hội còn nợ cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Trần Hiếu T1 phải trả số tiền hội còn nợ 35.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Ngày 25/5/2016, nguyên đơn có mở 01 dây hụi mùa 3.000.000đồng do nguyên đơn làm chủ, dây hụi có 26 phần, ông T1 tham gia 01 phần tên “Chị H” (mẹ ông T1), một năm khai 04 lần. Sau khi mở dây hụi và khai hụi đến lần thứ 07 thì ông T1 hốt hụi và đã nhận tiền hụi đã hốt. Như vậy, ông T1 phải có nghĩa vụ đóng lại 19 lần hụi chết và ông T1 đã đóng lại được 07 lần với số tiền là 21.000.000đồng. Đến khi dây hụi này kết thúc thì ông T1 còn nợ lại 12 lần chưa đóng với số tiền là 36.000.000đồng, nhưng sau đó ông T1 đã trả được 1.000.000đồng nên còn nợ lại 35.000.000đồng. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T1 đều vắng mặt và cũng không có văn bản cho biết ý kiến của ông như thế nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hơn nữa việc ông T1 tham gia hụi và hốt hụi do ông T, bà Q làm chủ thì có người làm chứng biết và chứng kiến sự việc. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T1 phải trả số tiền hụi còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự: Bị đơn phải chịu.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Trần Hiếu T1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền hụi còn nợ là 35.000.000đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 chậm trả số tiền nêu trên thì ông T1 còn phải chịu tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 1.750.000đồng, ông Trần Hiếu T1 phải chịu. Nguyên đơn được nhận lại 875.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004435 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Giúp Đỡ